

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN MÔ – TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2021/ HNGĐ - ST

Ngày 17/3/2021

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MÔ – TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Toan

Ông Vũ Văn Thao

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Mô.

Ngày 17 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Mô xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 154/2020/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 24/02/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm 1995

Địa chỉ: SN 18, ngõ 173 N, phố V, phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Anh Dương Thế A, sinh năm 1990

Địa chỉ: Xóm 2, xã Y, huyện Y tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa có mặt chị N, vắng mặt anh Thế A (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai và tại phiên tòa chị N trình bày:**
Chị kết hôn cùng anh Dương Thế A được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Y tỉnh Ninh Bình ngày 10/5/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng không tôn trọng nhau,

anh Thế A đi làm không chu cấp gì cho gia đình, không chăm lo quan tâm đến vợ con dẫn đến vợ chồng sống với nhau không có hạnh phúc. Từ năm 2018 vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến nhau, mỗi lần vợ chồng điện thoại liên lạc với nhau đều cãi chửi nhau. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể nín kéo được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Dương Thế A.

- Về con chung: Chị N và anh Thế A có một con chung là cháu Dương N Minh Châu, sinh ngày 03/10/2016. Hiện nay cháu Minh Châu đang do chị N chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi vợ chồng ly hôn, chị N đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc cháu Minh Châu và yêu cầu anh Thế A đóng góp phí tổn nuôi con chung. Chị N đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con mà anh Thế A đưa ra là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) một tháng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu Minh Châu đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và công nợ: Chị N không đề nghị Tòa án giải quyết.

*** *Tại bản tự khai anh Thế A trình bày:*** Anh kết hôn với chị Lê Thị N là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Y tỉnh Ninh Bình ngày 10/5/2016. Quá trình chung sống thì vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, sống không có hạnh phúc. Nhiều năm nay vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị N xin ly hôn, anh Thế A thấy tình cảm vợ chồng không còn nên cũng đồng ý ly hôn với chị N.

- Về con chung: Anh Thế A xác định vợ chồng anh chị có một con chung là cháu Dương Ngọc Minh C, sinh ngày 03/10/2016. Khi ly hôn anh cũng đồng ý để chị N trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Minh C à anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng chị N mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) đến khi cháu Minh C đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và công nợ: Anh Thế A không đề nghị Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và yêu cầu của đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Theo đơn khởi kiện thì bị đơn là anh Dương Thế A có hộ khẩu thường trú tại xóm 2, xã Y, huyện Y. Do vậy Tòa án nhân dân huyện Y thụ lý giải quyết vụ án là đúng qui định tại Điều 28 và 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa anh Dương Thế A vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Thế A là phù hợp với Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lê Thị N và anh Dương Thế A kết hôn hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Y tỉnh Ninh Bình. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Chị N và anh Thế A đều xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính cách không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Từ năm 2018 đến nay vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau, chị N và anh Thế A đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Do vậy có căn cứ chấp nhận đơn khởi kiện của chị N, xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị N và anh Dương Thế A là phù hợp với Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị N và anh Thế A có một con chung là cháu Dương N Minh Châu, sinh ngày 03/10/2016, hiện nay chị N đang chăm sóc nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị N đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và yêu cầu anh Thế A cấp dưỡng nuôi con. Tại bản tự khai anh Thế A cũng đồng ý để chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Minh Châu khi vợ chồng ly hôn và anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng chị N mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng). Tại phiên tòa chị N cũng đồng ý mức cấp dưỡng anh Thế A đưa ra. Hội đồng xét xử thấy thỏa thuận của chị N và anh Thế A là tự nguyện không trái pháp luật nên căn cứ Điều 81, 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình, công nhận sự thỏa thuận của chị N và anh Thế A. Giao cháu Dương Ngọc Minh C sinh ngày 3/10/2016 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Dương Thế A có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho chị N mỗi tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng) kể từ tháng 3/2021 đến khi cháu Minh C thành niên.

[4] *Về tài sản chung và công nợ*: Chị N và anh Thế A không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí, quyền kháng cáo:

Chị N phải nộp án phí ly hôn, anh Thế A phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con theo qui định.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị N và anh Dương Thế A. Quan hệ hôn nhân của chị N và anh Thế A chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị N và anh Thế A. Giao cháu Dương Ngọc Minh C, sinh ngày 03/10/2016 cho chị Lê Thị N trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, anh Dương Thế A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị N mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 03/2021 cho đến khi cháu Minh C thành niên đủ 18 tuổi.

Anh Thế A được quyền thăm nom chăm sóc con chung, chị N không được cản trở anh Thế A thăm nom chăm sóc con chung.

Kể từ ngày chị N có đơn đề nghị thi hành khoản tiền cấp dưỡng, nếu anh Thế A không thi hành thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo qui định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

3. Án phí:

- Án phí ly hôn: Chị Lê Thị N phải nộp à 300.000đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số AA/2016/0002383 ngày 08/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Mô.

- Án phí cấp dưỡng: Anh Dương Thế A phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm, Chị N có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Thế A vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình(1)
- VKSND huyện Yên Mô(1)
- VKSND tỉnh Ninh Bình (1)
- Chi cục THADS huyện Yên Mô (1)
- UBND xã Yên Thắng (1)
- Các đương sự (2)
- Lưu HS, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)
Nguyễn Thị Hoa